



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP CHẾ DƯỢC

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành: **DƯỢC HỌC**
Mã số: **7720201**

Lần ban hành:
Ngày ban hành:
Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: PHÁP CHẾ DƯỢC Tiếng Anh: Pharmaceutical legislation							
- Mã số học phần: PL1171							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table><tr><td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td><td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td></tr><tr><td>☐ Kiến thức cơ sở ngành</td><td>☐ Học phần dạy học dự án</td></tr><tr><td>☒ Kiến thức ngành</td><td>☐ Kiến thức khác</td></tr></table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn							
- Số tín chỉ: 02 + Số tiết lý thuyết: 30 tiết + Số tiết thực hành/thảo luận: 0 + Số tiết thực tế ngoài trường: 0 + Số tiết tự học : 60 tiết.							

- Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết: Không	Mã số HP:
Học phần học trước: <i>(ghi tên HP nếu có)</i>	Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
Học phần song hành: <i>(ghi tên HP nếu có)</i>	Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
- Yêu cầu của học phần <i>(giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu)</i>	
Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%.	
Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ...	
Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược	

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Trần Hải Ứng

2. Mô tả học phần: *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, mục đích và những nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần "Pháp chế Dược" là nội dung cốt lõi trong chương trình đào tạo Dược sĩ, đóng vai trò định hướng và phát triển kỹ năng chuyên môn thông qua việc hiểu và vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến ngành Dược Học phần trang bị kiến thức nền tảng về hệ thống văn bản pháp luật Nhà nước và các quy định pháp lý cơ bản trong lĩnh vực hành nghề Dược, từ sản xuất, lưu thông đến quản lý và nghiên cứu. Đây là công cụ hỗ trợ thiết yếu giúp người học đáp ứng các yêu cầu pháp lý và chuẩn mực trong thực hành nghề nghiệp.

Nội dung chính: Cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, các luật liên quan đến bảo vệ sức khỏe, khám chữa bệnh, và Luật Dược. Thực hành kỹ năng áp dụng các quy định pháp luật vào sản xuất, lưu thông, quảng cáo, và quản lý thuốc. Rèn luyện ý thức chấp hành luật pháp, phát triển phẩm chất đạo đức và trách nhiệm chuyên môn.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
	2		

CO1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống pháp luật liên quan đến ngành dược, bao gồm các quy định về quản lý sản xuất, lưu thông, bảo quản, phân phối, và sử dụng thuốc.	PLO ₅	3/6	4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learn
CO ₂	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật trong việc cấp phép hành nghề dược, quản lý nhà thuốc, và các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc theo tiêu chuẩn.	PLO ₁₀	3/5	
CO ₃	Rèn luyện kỹ năng thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến lĩnh vực dược, giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh và tư vấn pháp luật cho các cá nhân hoặc tổ chức trong ngành dược.	PLO _{11,12}	4/5	

ing Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP PHÁP CHẾ DƯỢC			CLOs HP PHÁP CHẾ DƯỢC				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Trọng số (%) **	Bài HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO ₅ [1.2.1]	Vận dụng các quy định pháp luật và kiến thức chuyên ngành để tham gia nghiên cứu, quản lý, cung ứng thuốc theo đúng quy chế.	3/6	CLO ₁ [1.2.1.1]	Vận dụng các quy định pháp luật về quản lý thuốc, sản xuất, lưu thông, và cung ứng để đảm bảo hoạt động dược tuân thủ đúng quy chế.	3/6		Chương 1-14
			CLO ₂ [1.2.1.2]	Phân tích các điều kiện pháp lý, quy trình cấp phép và quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành nghề dược, bao gồm cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép kinh doanh, và các tiêu chuẩn chuyên	3/6		Chương 1-14

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP PHÁP CHẾ DƯỢC			CLOs HP PHÁP CHẾ DƯỢC				
				ngành.			
PLO ₁₀ [2.2.3]	Thành thạo kỹ năng thực hành nghiên cứu, quản lý và cung ứng thuốc, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật và quy chế chuyên ngành.	3/5	CLO ₃ [2.2.3.1]	Thực hiện các thủ tục pháp lý trong sản xuất, phân phối, bảo quản, và quảng cáo thuốc, đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.	3/5		Chương 1-14
			CLO ₄ [2.2.3.2]	Áp dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hành nghề, như khiếu nại, xử lý vi phạm và tư vấn pháp lý liên quan đến lĩnh vực dược.	3/5		Chương 1-14
PLO ₁₁ [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập, lập trường vững vàng và khả năng tự học suốt đời, chủ động phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành Dược và sự phát triển xã hội.	4/5	CLO ₅ [3.1.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần tuân thủ pháp luật và trách nhiệm trong hoạt động quản lý và cung ứng thuốc.	4/5		Chương 1-14
PLO ₁₂ [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và môi trường, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp, bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc	4/5	CLO ₆ [3.2.1.1]	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, học tập suốt đời để nâng cao kiến thức pháp lý và khả năng thích ứng với các quy định pháp luật thay đổi trong lĩnh vực dược.	4/5		Chương 1-14

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP PHÁP CHẾ DƯỢC			CLOs HP PHÁP CHẾ DƯỢC				
	chuyên nghiệp và chuẩn mức đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.						

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các bài cho việc đạt các CLOs HP Pháp chế dược (*)

CLO	Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1] – 4/5
Chương 1	3/6	3/6	3/5	3/6	4/5	4/5
Chương 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 4	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 5	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 6	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 7	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 8	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 9	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 10	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 11	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 12	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 13	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 14	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần (Các bài đánh giá, điểm năng lực và trọng số đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CLOs)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
Thái độ học tập	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	
	CLO6	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra	CLO1	3/6	8	Tự luận	Cuối Chương 14
	CLO2	3/6	8	Tự luận	
	CLO3	4/5	7	Tự luận	
	CLO4	4/5	7	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	
A2. Đánh giá cuối kì (thi kết thúc học phần)			50		
Bài thi hết học phần	CLO1	3/6	12,5	Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT
	CLO2	3/6	12,5	Tự luận	
	CLO3	4/5	12,5	Tự luận	
	CLO4	4/5	12,5	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO	1.2. Kiến thức ngành	2.2. Kỹ năng nghề nghiệp	3.1. NL tự	3.2. Tự chịu
-----	----------------------	--------------------------	------------	--------------

Bài ĐG					chủ	trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1] – 4/5	CLO6 [3.2] – 4/5
A1.1 (20%)					x	x
A1.2 (30%)	x	x	x	x		
A2 (50%)	x	x	x	x		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Hệ thống các văn bản pháp lý có liên quan đến hành nghề dược ở Việt Nam 1. Vai trò của các văn bản pháp lý 2. Những vấn đề chung về pháp luật 3. Hệ thống văn bản pháp luật nhà nước ta 4. Luật Dược	3	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
2	Chương 2. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân- Luật Dược- Luật khám chữa bệnh 1. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân 2. Luật Dược 3. Luật Khám chữa bệnh	3	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
	Chương 3. Qui định đăng ký thuốc		CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết	Nghe giảng, ghi	<i>A1.1</i>

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
3	1. Quy định chung 2. Sở hữu trí tuệ đối với thuốc đăng ký 3. Quy định về hồ sơ đăng ký thuốc 4. Trình tự, thủ tục đăng ký 5. Các trường hợp bị rút hồ sơ đăng ký, tạm ngừng tiếp nhận mới hồ sơ đăng ký thuốc và ngừng cấp số đăng ký lưu hành thuốc cho các hồ sơ đã nộp 6. Thẩm quyền ra quyết định, trách nhiệm thông báo và 2 thời hạn rút số đăng ký lưu hành, tạm ngừng nhận hồ sơ, tạm ngừng cấp số đăng ký lưu hành thuốc	2		trình, phát vấn	chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	A1.2 A2
4	Chương 4. Quy định quản lý thuốc gây nghiện 1. Quy định chung 2. Các quy định liên quan hoạt động kinh doanh thuốc gây nghiện 3. Các quy định liên quan hoạt động pha chế, cấp phát sử dụng bảo quản thuốc gây nghiện tại các cơ sở y tế, trung tâm cai nghiện. 4. Hồ sơ thủ tục và quy trình liên quan đến việc dự trữ-duyet dự trữ, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc gây nghiện. 5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	A1.1 A1.2 A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
5	Chương 5. Qui định quản lý thuốc hướng tâm thần 1. Qui định chung 2. Các qui định liên quan hoạt động kinh doanh thuốc hướng tâm thần và tiền chất 3. Các qui định liên quan hoạt động pha chế, cấp phát, sử dụng, bảo quản thuốc hướng tâm thần và tiền chất tại các cơ sở y tế, trung tâm cai nghiện 4. Hồ sơ, thủ tục và qui định liên quan đến việc dự trữ- duyệt dự trữ, xuất khẩu- nhập khẩu thuốc hướng tâm thần và tiền chất hướng tâm thần 5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
6	Chương 6. Quy định kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú 1. Quy định chung 2. Quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc 3. Bán thuốc theo đơn 4. Hướng dẫn thực hành kê đơn thuốc tốt của WHO	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
7	Chương 7. Các quy định ghi nhãn thuốc 1. Quy định chung 2. Nội dung của nhãn thuốc	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
	3. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc					
8	Chương 8. Phân loại và danh pháp thuốc 1. Hệ thống phân loại ATC 2. Phân loại thuốc thiết yếu (Essential drug-ED) 3. Danh pháp thuốc	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
9	Chương 9. Các quy định về thông tin, quảng cáo thuốc 1. Đại cương về thông tin, quảng cáo thuốc 2. Quy định chung về thông tin, quảng cáo thuốc 3 Các quy định cụ thể về thông tin thuốc 4. Các qui định về quảng cáo thuốc	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
10	Chương 10. Qui định về hành nghề kinh doanh Dược phẩm 1. Những cơ sở pháp lý cho việc ra đời các loại hình hành nghề Dược 2. Qui định về cấp chứng chỉ hành nghề Dược 3. Qui định về chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc 4. Phạm vi hành nghề, quyền hạn và trách nhiệm của người hành nghề Dược	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
11	Chương 11. Các quy định về quản lý chất lượng thuốc 1. Một số khái niệm cơ bản 2. Các lý thuyết cơ bản về quản lý chất lượng thuốc 3. Các nội dung cơ bản đảm bảo chất lượng thuốc 4. Các quy định về quản lý chất lượng thuốc	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
12	Chương 12. Quản lý tồn trữ thuốc 1. Chức năng, nhiệm vụ và phân loại kho 2. Địa điểm và thiết kế của một kho dược 3. Diện tích và cách bố trí một kho Dược 4. Các trang thiết bị trong kho Dược 5. Công tác quản lý trong kho dược	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
13	Chương 13. Quy định thanh tra Dược 1. Vai trò của công tác thanh tra trong ngành Y tế 2. Tổ chức thanh tra Dược trong ngành Y tế 4. Nội dung, hình thức, phương pháp và trình tự thanh tra 5. Một số nội dung thanh tra các cơ sở Dược 6. Một số hành vi vi phạm hành chính về hành nghề dược	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
14	Chương 14. Quy định xuất nhập khẩu thuốc và mỹ phẩm 1. Phạm vi áp dụng qui định xuất nhập khẩu thuốc, mỹ phẩm 2. Các qui định chung 3. Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu 4. Thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu, giấy phép khảo nghiệm và xác nhận đơn hàng 5. Xuất khẩu thuốc thành phẩm, nguyên liệu, tá dược, dược liệu, vỏ nang thuốc, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc và mỹ phẩm 6. Qui định nhập khẩu thuốc song song	2	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Nguyễn Thị Thái Hằng	2011	Pháp chế dược	NXB Giáo dục Việt Nam

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Pháp chế dược	https://123docz.com/document/8438782-phap-che-duoc-nxb-giao-duc-2013-nguyen-thi-thai-hang-337-trang.htm	
2	Hướng dẫn phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-14-2024-TT-BYT-huong-dan-phuong-phap-che-bien-duoc-lieu-va-vi-thuoc-co-truyen-623411.aspx	

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1-14

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

Các Thầy Cô tham khảo các rubrics trong bản Mô tả CTĐT để lựa chọn các files phù hợp với mục đích đánh giá của HP. Thầy Cô có thể tự xây dựng rubric đơn giản hơn, để thực hiện hoặc điều chỉnh file đã có để phù hợp với PP đánh giá HP đã lựa chọn.

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC	MỨC D	MỨC C	MỨC B	MỨC A	

	F (0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	
Chuyên cần	Không học đi(<30%)	Đi học k không chuyên cần (<50%))	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

10. Thi kết thúc học phần

- Cấu trúc đề thi kết thúc học phần:
 - **Số câu hỏi trong 1 đề:** 04 câu (2,5 điểm x 4); Mỗi câu đánh giá 1 CLO: 1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄
 - **Thời gian làm bài:** 60 phút - Sinh viên được phép sử dụng tài liệu (*Đề mở*)
- Ma trận ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần :

CLOs Bài đánh giá A2 (Thi kết thúc HP)		Các CLOs được đánh giá			
		1	2	3	4
		[1.2.1.1] 3/6	[1.2.1.2] 3/6	[2.2.1.1] 3/5	[2.2.1.2] 3/5
		Kiến thức cơ sở ngành		Kỹ năng nghề nghiệp	
Chương 1	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 2	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 3	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 4	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 5	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 6	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 7	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 8	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 9	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 10	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 11	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 12	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 13	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 14	Số câu : 04	1	1	1	1
Cộng	56	14/56	14/56	14/56	14/56

➤ Các phương án tổ hợp câu hỏi thi để làm ĐỀ THI kết thúc học phần bằng hình thức tự luận:

- **Phương án tổ hợp câu hỏi trong 1 đề thi: có 4 câu (1 CLO1, 1 CLO2, 1 CLO3, 1 CLO4) không cùng trong 1 chương/1 bài.**

- Đề thi kết thúc học phần có 4 đề (Các câu hỏi không lặp lại)

Câu hỏi thi	Bài	Số lượng câu	Điểm	CLOs đánh giá - Mức NL	Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi
Câu 1	Chương 1-14	1	2,5	CLO1- 3/6	14
Câu 2	Chương 1-14	1	2,5	CLO2 - 3/6	14
Câu 3	Chương 1-14	1	2,5	CLO3 - 3/5	14
Câu 4	Chương 1-14	1	2,5	CLO4 - 3/5	14
Cộng		4	10		56

Trưởng khoa

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Khắc Cam

Giảng viên

(Đã ký)

Ths. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh